

Số: 404/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý II/2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 77 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 107 sinh viên; cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp cho 02 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009 - 2013	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	04	-	04
2	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	-	03	-	03
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	01	-	02
4	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	-	05	-	05
5	Công nghệ thực phẩm	-	-	01	-	01	02
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	02	01	03
7	Nuôi trồng thủy sản	-	-	03	-	01	04
8	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	01	-	02	-	03
9	Kế toán	-	-	03	10	-	13
10	Tài chính – Ngân hàng	-	-	01	02	-	03
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	02	01	03
12	Quản trị kinh doanh	-	-	-	08	-	08
13	Kinh doanh thương mại	-	-	-	08	-	08

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009 - 2013	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	Cộng
14	Ngôn ngữ Anh	-	-	-	06	-	06
15	Công nghệ sinh học	-	-	01	01	-	02
16	Công nghệ thông tin	01	-	-	07	-	08

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K52 2010-2013	K53 2011-2014	K54 2012-2015	K55 2013-2016	Cộng
1	Cơ Điện Lạnh	-	01	-	-	01
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	02	-	02
3	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	-	05	05
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	01	03	06	11
5	Kế toán	-	05	02	10	17
6	Kinh doanh thương mại	-	-	-	02	02
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	10	10
8	Quản trị kinh doanh	-	-	05	06	11
9	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	01	01
10	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	-	08	08
11	Công nghệ thông tin	02	01	01	01	05
12	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	01	01
13	Công nghệ thực phẩm	-	-	-	27	27
14	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	06	06

C. Trung cấp chuyên nghiệp

TT	Ngành tốt nghiệp	K54 2012-2014	Cộng
1	Kế toán doanh nghiệp	02	02

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ II NĂM 2017
Theo Quyết định số 404 /QĐ-ĐHNT ngày 27 / 04 /2017
Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130234	Nguyễn Văn Dũng	02/12/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	54.CDT
2	54130805	Phạm Thanh Lý	02/10/1994	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	54.CDT
3	54130909	Nguyễn Hữu Trọng	14/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CDT
4	54131296	Đặng Nguyên Thành	06/10/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	54.CDT

Danh sách có 04 sinh viên

2. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131309	Nguyễn Duy Quang	05/08/1993	Phú Yên	Nam	Khá	54.CNNL
2	54130387	Đỗ Đức Hải	15/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNNL
3	54131913	Phan Phương Thảo	09/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.CNNL

Danh sách có 03 sinh viên

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131348	Lê Hồng Quý	03/02/1993	Hà Tĩnh	Nam	Khá	53.DDT
2	54131123	Phạm Minh Phụng	27/02/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	54.DDT

Danh sách có 02 sinh viên

4. Ngành Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130092	Phạm Duy Anh	12/01/1994	Vĩnh Phúc	Nam	Khá	54.KTTT
2	54130553	Nguyễn Xuân Hòa	07/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KTTT
3	54131501	Nguyễn Anh Tú	22/03/1994	Thừa Thiên -Huế	Nam	Khá	54.KTTT
4	54131512	Lê Minh Toàn	01/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KTTT
5	54131787	Nguyễn Ngọc Quốc Việt	16/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KTTT

Danh sách có 05 sinh viên

5. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131717	Thái Anh Thuật	15/09/1993	Phú Yên	Nam	Trung bình	53.CNTP-3
2	55130555	Nguyễn Thị Hiếu	18/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-1

Danh sách có 02 sinh viên

6. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130551	Bùi Duy Hòa	08/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNXD-1
2	54131211	Trần Văn Sỹ	15/07/1994	Quảng Bình	Nam	Khá	54.CNXD-2
3	55136022	Nguyễn Thành Sơn	21/12/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	55.CNXD

Danh sách có 03 sinh viên

7. Ngành Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53130022	Phạm Xuân Đương	20/01/1993	Bình Định	Nam	Khá	53.NTTS
2	53130887	Nguyễn Văn Luận	21/03/1990	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53.NTTS
3	53131948	Lê Trọng Tuyên	28/06/1991	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53.NTTS
4	55130703	Lê Bảo Huy	03/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.NTTS-1

Danh sách có 04 sinh viên

8. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	52130358	Châu Phương Hòa	09/07/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52.CNMT
2	54130062	Nguyễn Thị Khánh An	24/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.CNMT
3	54130299	Nguyễn Hoàng Gia	22/12/1993	Quảng Nam	Nam	Khá	54.CNMT

Danh sách có 03 sinh viên

9. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131771	Bùi Bích Trâm	10/09/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-1
2	53130189	Trương Thị Kim Chi	17/04/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.KT-3
3	53130830	Nguyễn Thị Tùng Linh	12/02/1993	Nghệ An	Nữ	Trung bình	53.KT-3
4	54130091	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/06/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KT-1
5	54130330	Nguyễn Thị Hằng	24/11/1994	Gia Lai	Nữ	Khá	54.KT-1
6	54130763	Nguyễn Thị Loan	13/02/1993	Đắk Lắk	Nữ	Khá	54.KT-1
7	54131434	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KT-1
8	54130836	Phạm Thị Ngọc Minh	06/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KT-2
9	54131867	Phan Mạnh Cường	13/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.KT-3
10	54131884	Phạm Bá Duy	18/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KT-3
11	54131095	Nông Thị Kim Phượng	14/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54.KT-3
12	54131433	Nguyễn Thị Thúy	04/01/1993	Kiên Giang	Nữ	Trung bình	54.KT-3
13	53131836	Trương Thị Thùy Trang	19/04/1993	Quảng Bình	Nữ	Khá	54.KT-3

Danh sách có 13 sinh viên

10- Ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131332	Ngô Thị Như Quỳnh	12/12/1993	Thái Bình	Nữ	Khá	53.TCNH-3
2	54130164	Phùng Khắc Duy Cường	23/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.TCNH-2
3	54130576	Phạm Nguyễn Bảo Huy	01/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.TCNH-2

Danh sách có 03 sinh viên

11- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130103	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	15/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.QTDL
2	54130709	Hà Thu Lợi	21/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.QTDL
3	55131217	Bùi Phúc Nhi	15/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1

Danh sách có 03 sinh viên

12- Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130071	Đoàn Ngọc Bình An	17/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.QTKD-1
2	54130477	Nguyễn Thị Hiền	04/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	54.QTKD-1
3	54130933	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22/04/1994	Gia Lai	Nữ	Khá	54.QTKD-1
4	54131105	Hồ Văn Phệ	01/01/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	54.QTKD-1
5	54131212	Nguyễn Quốc Sỹ	10/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.QTKD-1
6	54131468	Lê Thị Thuý	07/02/1994	Thanh Hoá	Nữ	Khá	54.QTKD-1
7	54131120	Nguyễn Nhất Đại Hành	07/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.QTKD-2
8	54131533	Võ Bích Huyền Trâm	20/07/1994	Phú Yên	Nữ	Trung bình	54.QTKD-2

Danh sách có 08 sinh viên



13- Ngành Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130084	Đào Đức Anh	12/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KDTM1
2	54130249	Võ Thị Thuý Dung	31/03/1994	Thừa Thiên-Huế	Nữ	Khá	54.KDTM1
3	54131375	Bùi Thị Kim Thao	09/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KDTM1
4	54131677	Trần Nguyễn Quốc Tuấn	15/03/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	54.KDTM1
5	54131701	Trần Thị Minh Tuyết	17/03/1994	Phú Yên	Nữ	Trung bình	54.KDTM1
6	54130157	Nguyễn Đình Cường	17/09/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.KDTM2
7	54130723	Cao Thị Mỹ Linh	14/05/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54.KDTM2
8	54131036	Nguyễn Thị Oanh	08/11/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.KDTM2

Danh sách có 08 sinh viên

14- Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54131366	Lê Nguyễn Ngọc Thanh	27/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.NNA-1
2	54130954	Nguyễn Thị Quỳnh Như	29/09/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54.NNA-2
3	54130190	Trần Thị Việt Chinh	20/03/1994	Gia Lai	Nữ	Trung bình	54.NNA-3
4	54130617	Nguyễn Hoàn Khải	02/07/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	54.NNA-4
5	54130097	Dương Phương Anh	01/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54.NNA-5
6	54130957	Phạm Thị Quỳnh Như	11/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54.NNA-5

Danh sách có 06 sinh viên

15- Ngành Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53130702	Nguyễn Thành Khương	07/07/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.CNSH
2	54130966	Kiều Thành Nhân	21/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNSH

Danh sách có 02 sinh viên

16- Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	51131738	Nguyễn Chí Trung	06/08/1991	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	51TH-2
2	54130080	Đỗ Tuấn Anh	17/12/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNTT
3	54130007	Nguyễn Quốc Âu	29/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNTT
4	54130124	Nguyễn Quang Bảo	02/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNTT
5	54130778	Phạm Tấn Lệnh	16/06/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	54.CNTT
6	54130782	Lê Thành Luân	08/08/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNTT
7	54131863	Vương Đức Tân	31/10/1991	Hà Nội	Nam	Trung bình	54.CNTT
8	54131711	Nguyễn Thành Tín	18/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNTT

Danh sách có 08 sinh viên

127

**DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ II NĂM 2017**

Theo Quyết định số **404** /QĐ-ĐHNT ngày **27/04/2017**
đại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1- Ngành Cơ Điện Lạnh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53160759	Ngô Hữu Ngân	30/11/1993	Phú Yên	Nam	Khá	53C.CNNL

Danh sách có 01 sinh viên

2- Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54160731	Trần Văn Thi	23/04/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CDT
2	54160951	Phùng Thanh Vũ	20/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CDT

Danh sách có 02 sinh viên

3- Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160286	Phan Gia Hòa	06/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNNL
2	55160263	Lê Minh Hoài	27/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.CNNL
3	55160446	Lê Thành Minh	05/04/1994	Hà Tĩnh	Nam	Khá	55C.CNNL
4	55163341	Trần Hoàng Minh	20/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNNL
5	55160909	Đạt Phú Truyền	08/06/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55C.CNNL

Danh sách có 05 sinh viên

4- Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	52160634	Y Chon Siu	10/03/1991	Đắk Lắk	Nam	Khá	CDT52
2	53160820	Trần Khánh Nguyên	06/10/1992	Quảng Nam	Nam	Trung bình	53C.DDT
3	54160109	Trần Đức Dũng	12/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.DDT
4	54160271	Nguyễn Văn Hoài	09/05/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.DDT
5	54160332	Nguyễn Quan Khôi	04/08/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	54C.DDT
6	55160197	Nguyễn Khắc Đức	10/09/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	55C.DDT
7	55160316	Hoàng Văn Huýnh	22/01/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	55C.DDT
8	55160483	Phan Trọng Nghĩa	24/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.DDT
9	55163322	Nguyễn Hoàng Quốc	02/03/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.DDT
10	55160836	Nguyễn Văn Tinh	08/05/1994	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55C.DDT
11	55160894	Giang Khai Trí	26/10/1995	Bình Thuận	Nam	Trung bình	55C.DDT

Danh sách có 11 sinh viên

5- Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53161195	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	12/11/1993	Kon Tum	Nữ	Khá	53C.KT-1
2	53161611	Phan Thành Đông	10/08/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.KT-3
3	53161019	Nguyễn Văn Minh Sáng	15/05/1992	Quảng Trị	Nam	Trung bình	53C.KT-4
4	53160735	Nguyễn Thị Trà My	25/03/1992	Khánh Hoà	Nữ	Khá	53C.KT-5
5	53160770	Bùi Thị Kiều Nga	17/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53C.KT-6
6	54160901	Võ Thị Thanh Tuyết	20/12/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-3
7	54160552	Trần Thị Minh Phương	27/05/1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Trung bình	54C.KT-4
8	55162756	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	15/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1
9	55160425	Nguyễn Thị Luyến	06/09/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.KT-1
10	55162850	Dương Cao Hà My	14/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1
11	50238139	Trần Thanh Tùng	15/09/1989	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55C.KT-1

A.E.

5- Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	
12	55163350	Lê Phan Anh	Hồng	09/11/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
13	55161339	Nguyễn Thị Minh	Tâm	03/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.KT-2
14	55164310	Lê Trương Thu	Thảo	25/09/1994	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
15	55160782	Nguyễn Hoài	Thu	22/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
16	55161411	Nguyễn Thị Việt	Trang	07/05/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.KT-2
17	55163305	Nguyễn Thành	Trung	10/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.KT-2

Danh sách có 17 sinh viên

6- Ngành Kinh doanh thương mại

Danh sách sinh viên đoàn thanh niên								
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160151	Nguyễn Thị Lê	Dung	09/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KDTM
2	55163171	Mai Xuân	Uyên	23/08/1994	Bình Thuận	Nữ	Khá	55C.KDTM
Danh sách có 02 sinh viên								

7- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Ngành Quản trị kinh doanh và Kế toán và Tài chính								
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55162656	Hà Thị Thùy	Dương	27/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTDL
2	55162670	Nguyễn Hương	Giang	15/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTDL
3	55162671	Đinh Giáp Hoài	Giang	05/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.QTDL
4	55162712	Đồng Thị Thúy	Hằng	20/12/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.QTDL
5	55161128	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15/12/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	55C.QTDL
6	55160498	Nguyễn Minh	Ngọc	18/08/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.QTDL
7	55162895	Trần Thị ái	Nhi	21/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.QTDL
8	54131139	Trần Duy	Quang	03/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.QTDL
9	55162951	Lê Thị Thu	Quốc	12/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.QTDL
10	55163245	Huỳnh Thị Trúc	Thanh	18/12/1995	Đồng Tháp	Nữ	Trung bình	55C.QTDL
Danh sách có 10 sinh viên								

8- Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54160207	Nguyễn Hữu	Hạn	12/04/1994	Phú Yên	Nam	Khá	54C.QTKD-1
2	54160728	Thái Đan	Thanh	12/06/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-1
3	54160885	Trần Minh	Trí	08/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.QTKD-2
4	54161058	Huỳnh Ngọc	Trung	11/09/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	54C.QTKD-3
5	54160969	Võ Thị Hoàng	Vy	10/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.QTKD-3
6	55160352	Lê Thị Kim	Khánh	09/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-1
7	55162803	Trương Hoàng	Lâm	26/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.QTKD-1
8	55162892	Ngô Thị ý	Nhi	08/11/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-1
9	55163337	Đặng Hồng	Vi	21/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-1
10	55163354	Huỳnh Đức	Vinh	10/06/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55C.QTKD-1
11	55163003	Trần Thu	Thảo	01/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2
Danh sách có 11 sinh viên								

9- Ngành Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55162450	Văn Minh Trí	29/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.NTTS

Danh sách có 01 sinh viên

10- Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161546	Lê Bảo Châu	10/06/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
2	55161599	Trần Như Tú	22/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT
3	55160161	Nguyễn Thị Hồng*	28/07/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
4	55161698	Đoàn Vũ Hằng	19/02/1995	Bình Định	Nữ	Trung bình	55C.CNMT
5	55161844	Nguyễn Việt Khương	22/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT
6	55161850	Võ Văn Kiệt	19/02/1995	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55C.CNMT
7	55160687	Phạm Việt Tài	18/08/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNMT
8	55162326	Bùi Thị Kim Thủy	20/01/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.CNMT

Danh sách có 08 sinh viên

11- Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	52160713	Nguyễn Ngọc Chiến	05/04/1992	Khánh Hòa	Nam	Khá	CTH52
2	52160796	Văn Đức Hữu Trí	10/06/1992	Thừa Thiên Huế	Nam	Trung bình	CTH52
3	53160823	Lê Nguyên Hoàng	01/01/1993	Bình Định	Nam	Trung bình	53C.CNTT
4	54160634	Hà Thúc Tinh	05/07/1994	Quảng Bình	Nam	Trung bình	54C.CNTT
5	55160833	Nguyễn Trung Tín	30/04/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTT

Danh sách có 05 sinh viên

12- Ngành Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160167	Nguyễn Thị Hồng Duyên	30/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CBTS

Danh sách có 01 sinh viên

13- Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161574	Đặng Hoàng Diên	13/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
2	55161586	Phạm Minh Diệu	14/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
3	55161071	Nguyễn Thanh Duyên	24/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.CNTP-1
4	55161693	Đặng Thị Anh Hằng	18/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
5	55161696	Nguyễn Thị Hằng	20/02/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	55C.CNTP-1
6	55161800	Lâm Lê Mạnh Hùng	11/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-1
7	55161175	Nguyễn Thị Kim Lan	26/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
8	55161191	Nguyễn Huỳnh Thùy Linh	17/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
9	55162303	Nguyễn Thị Thoa	06/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
10	55163264	Lê Thị Huỳnh Thư	25/02/1995	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-1
11	55162386	Đoàn Minh Tín	19/08/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNTP-1
12	55162504	Đàm Khắc Tú	06/12/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNTP-1
13	55161205	Lê Thị Tố Ly	14/12/1994	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
14	55160464	Nguyễn Trường Nam	02/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
15	55161967	Nguyễn Trường Phan Phi	30/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
16	55161985	Nguyễn Trọng Nghĩa	09/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
17	55160524	Trần Trung Nhân	06/01/1995	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
18	55160535	Trần Ngọc Bảo Nhi	06/04/1995	Cà Mau	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
19	55162039	Phạm Thị ý Nhi	06/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
20	55160633	Dương Thị Mỹ Quân	20/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2

13- Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
21	55160649	Long Thị	28/05/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
22	55163238	Trần Thị Kim	03/04/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
23	55163240	Trần Quốc	20/03/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2
24	55162226	Lê Thị Thanh	20/04/1995	Đắk Nông	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
25	55162340	Nguyễn Thị Thu	09/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-3
26	55160825	Nguyễn Ngọc	27/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-3
27	55162412	Đinh Thị Huyền	26/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-3

Danh sách có 27 sinh viên

14- Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55163284	Đặng Thanh	12/05/1995	Hà Nội	Nam	Trung bình	55C.CNXD
2	55160171	Lê Tuấn	12/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.CNXD
3	55161085	Võ Văn	08/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD
4	54160303	Lê Quang	06/01/1992	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.CNXD
5	55160639	Nguyễn Đình	14/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD
6	55161371	Phạm Đức Chí	06/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD

Danh sách có 06 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ II NĂM 2017

Theo Quyết định số 404 /QĐ-ĐHNT ngày 27 / 04 /2017

Loại hình đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp

1- Ngành Kế toán doanh nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54170373	Nguyễn Thị Thu	28/06/1992	Khánh Hoà	Nữ	TB Khá	54T.KT-1
2	54170504	Đoàn Thị Kiều	02/06/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54T.KT-2

Danh sách có 02 sinh viên

AT